

MỤC LỤC

Bài	Trang số
I. Tìm hiểu khái quát <i>ĐẠO NHỰT THƯỜNG HÀNH</i>	3
II. Trích <i>THÁNH ĐỨC CHƠN KINH</i>	10
<i>ĐẠO NHỰT THƯỜNG HÀNH</i>	12
1. Giới Đức Tin Kinh (24 câu)	14
2. Giới Tâm Kinh (24 câu)	16
3. Khuyển Ái Quốc Gia Kinh (10 câu)	18
4. Khuyển Hiếu Phụ Mẫu Kinh (10 câu)	19
5. Khuyển Kinh Sư Phụ Kinh (10 câu)	20
6. Khuyển Kinh Công Cô Kinh (14 câu)	21
7. Khuyển Bằng Hữu Kinh (10 câu)	22
8. Khuyển Trí Kinh (10 câu)	23
9. Giới Tín Kinh (10 câu)	24
10. Giới Thân Kinh (10 câu)	25
11. Giới Ý Kinh (8 câu)	26
12. Giới Nhơn Kinh (10 câu)	27
13. Giới Nghĩa Kinh (10 câu)	28
14. Giới Lễ Kinh (10 câu)	29
15. Giới Phu Thê Kinh (10 câu)	30
16. Giới Sân Kinh (8 câu)	31
17. Giới Si Kinh (12 câu)	32
18. Giới Ái Kinh (8 câu)	33
19. Giới Ó Kinh (12 câu)	34
20. Giới Kiên Nhẫn Kinh (14 câu)	35
21. Giới Buồn Rầu Nhân Quả Kinh (22 câu)	36
22. Giới Tư Tưởng Kinh (22 câu)	37
23. Kinh Cầu Khi Đi Ngủ (16 câu)	39
24. Kinh Thức Giác (12 câu)	40

25. Phát Nguyện Tu Hành (18 câu)	41
26. Kinh Cầu Khi Tham Thiền (12 câu)	42
27. Kinh Cầu Khi Ăn Cơm (10 câu)	43
28. Kinh Cầu Khi Xuất Hành (10 câu)	44

Huệ Khải

TÌM HIỂU KHÁI QUÁT ĐẠO NHỰT THƯỜNG HÀNH

1. Nguồn gốc

Các bài kinh *Đạo Nhựt Thường Hành* được trích từ quyển thứ Ba của bộ *Thánh Đức Chơn Kinh* (Sài Gòn: ấn quán Công Lý, 1965, tr. 124-141), được tái bản do sắc lệnh tại Huòn Cung Đàn (Minh Tân). Từ đây về sau, khi nhắc đến Thánh Đức Chơn Kinh, đôi lúc sẽ gọi tắt là bản kinh 1965.

Thánh Đức Chơn Kinh được tiếp nhận do lệnh Ôn Trên dạy lập đàn tại Ngũ Phụng Kỳ Sơn vào đầu xuân năm Mậu Dần (1938). Theo kết quả điền dã của hiền hữu Hà Văn Phủ, Ngũ Phụng Kỳ Sơn hiện nay thuộc xã Ninh Sơn, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh, nằm trong đất của ông Lê Văn Sở là tín đồ Cao Đài Tây Ninh. Đây là cái động nhỏ (rộng khoảng 2 mét, sâu khoảng 3 mét) nằm trên đỉnh núi Heo, phía sau núi Bà, trông qua núi Phụng. Trước khi lên tới động, phía dưới có khối đá lớn, trên viết sáu chữ bằng sơn đã phai dần theo thời gian và mưa nắng: *Kỳ Sơn Động, Ngũ Phụng Cung*.

Đạo Nhựt Thường Hành ra đời do chiếu của Đức Khương Thái Công thỉnh Đức Lý Giáo Tông giảng dạy tại Ngũ Phụng Kỳ Sơn. Tổng cộng gồm 28 bài nhưng trong bản kinh 1965 không đánh số thứ tự.

Cuối mỗi bài kinh đều có câu chú niệm hồng danh Đức Chí Tôn; liền sau đó là tôn hiệu vị tả kinh:

- có 4 bài ghi tôn hiệu là *Thái Bạch Kim Tinh* (bài 17), *Trường Canh Thái Bạch* (bài 22), *Lý Trường Canh* (bài 7, 23);
- có 1 bài không ghi tôn hiệu (bài 25), có lẽ do in sót;
- còn lại 23 bài đều ghi tôn hiệu là *Lý Thái Bạch*.

2. Tìm hiểu các tôn hiệu của Đức Lý

Trong một kiếp ở đời Đường (Trung Quốc), Đức Lý là thi hào Lý Bạch 李白 (699-762), sinh ra ở miền đất xa xôi heo hút phía Tây là làng Thanh Liên, huyện Xương Minh (sau đổi thành Chương Minh), tỉnh Tứ Xuyên. Ngài tự là Thái Bạch 太白, hiệu là Trường Canh 長庚, biệt hiệu Thanh Liên 青蓮 (cành sen xanh). Do đó, khi kết hợp với họ Lý, Ngài có các tôn hiệu như *Lý Thái Bạch*, *Lý Trường Canh*, *Lý Thanh Liên*, *Thanh Liên Cư Sĩ*, *Thanh Liên Học Sĩ*. Hai tôn hiệu khác của Ngài là *Thái Bạch Kim Tinh* và *Động Đình Hồ Đại Tiên Trưởng* (hồ Động Đình 洞庭湖 ở tỉnh Hồ Nam, Trung Quốc).

Theo huyền sử, trước khi sinh Ngài, mẹ Ngài nằm mộng thấy sao Kim (Venus) rơi vào bụng. Sao Kim tức là Kim Tinh 金星, người Trung Quốc gọi là sao Thái Bạch, sao Trường Canh, sao Khải Minh 啓明; người Việt Nam gọi là sao Hôm, sao Mai.

Sao Kim to gần xấp xỉ trái đất, là thiên thể sáng nhất trên bầu trời đêm. Sao Kim quay quanh mặt trời từ Đông sang Tây còn trái đất quay quanh mặt trời từ Tây sang Đông. Quỹ đạo sao Kim nhỏ hơn trái đất nên sao Kim quay giáp một vòng (vận tốc 35 km/giây) chỉ mất 243 ngày trong khi trái đất quay (vận tốc 29,8 km/giây) mất hết 365 ngày 6 giờ.

Do sao Kim quay quanh mặt trời ngược chiều và nhanh hơn trái đất, nên người trần gian có thể nhìn thấy sao này ở phía Tây vào đầu hôm (sau khi mặt trời lặn một lúc), nên gọi là sao Hôm, sao Trường Canh; và có thể nhìn thấy ở phía Đông trước khi mặt trời mọc nên gọi là sao Mai, sao Khải Minh. Sao Hôm, sao Mai còn có tên là Sâm Thương 參商.

3. Về số câu các bài kinh

Đạo Nhựt Thường Hành gồm 28 bài, chỉ có 2 bài 22 và 27 viết theo thể song thất lục bát, còn lại 26 bài đều là lục bát. Một bài kinh ngắn nhất có 4 câu, hai bài dài nhất có 24 câu. Toàn bộ 28 bài kinh có 350 câu thơ. Cụ thể như sau:

Số câu	Số bài	Các bài kinh số
24	2	1, 2
22	2	21, 22
18	1	25
16	1	23
14	2	6, 20
12	4	17, 19, 24, 26
10	12	3, 4, 5, 7, 8, 9, 10, 12, 13, 14, 15, 28
8	3	11, 16, 18
4	1	27

4. Ý nghĩa *Đạo Nhựt Thường Hành* và nhan đề 28 bài kinh

Đạo Nhựt Thường Hành 道日常行 hiểu thoát ý là Đạo thực hành hàng ngày.

Trong số nhan đề 28 bài kinh, có 16 bài (bài 1-2, và từ bài 9 tới 22) gọi là Gới... và 6 bài (từ bài 3 tới 8) gọi là Khuyến...

Gới là cảnh báo, răn dạy để con người biết giữ mình cho khỏi lầm lạc. Chẳng hạn, bài 16 (*Gới Sân Kinh*) nhằm răn dạy con người biết dẫn lửa giận, kèm chế tính nóng.

Khuyến là khuyên bảo, khích lệ cho con người gắng sức hơn lên. Chẳng hạn, bài 3 (*Khuyến Ái Quốc Gia Kinh*) nhằm khuyên con người hãy biết yêu nước thương nòi.

5. Chủ đề tư tưởng của bộ kinh

a. Xác định lập trường: phải có đức tin và phải có cái tâm

Bộ kinh mở đầu với bài *Gới Đức Tin Kinh*, nhằm răn dạy

cho con người biết rằng có Trời, có luật công bình thưởng phạt vô tư của Tạo Hóa. Con người do Trời hóa sinh, phải giữ đức tin ở Trời và tôn trọng luật Trời để sống lương thiện, biết làm lành lánh dữ, tra dồi đạo đức.

Nếu không có đức tin vào lẽ Trời thưởng phạt báo ứng thì con người sẽ sống buông lung, tung hô tất cả, điều đại ác cũng chẳng e dè, nhất là khi người ta đầy thể lực đến mức có thể vô sự trước mọi luật lệ thế gian. Nếu không có đức tin thì kinh sách chỉ là giấy mực vô tri, vô giá trị. Vì lẽ đó vừa mở đầu là phải xác định liền đức tin.

Có đức tin rồi cũng chưa đủ, vì nếu con người không có tâm, không có tấm lòng thanh cao hướng thiện thì kinh dù hay, đạo dù mâu nhiệm, người ta cũng chẳng bao giờ trân trọng ghé mắt tới để học hỏi, tuân hành theo lời dạy trong kinh. Do đó, ngay sau khi đã giới đức tin thì bài thứ hai lập tức là *Giới Tâm Kinh*.

b. Sáu đề mục tu thân lập đức hàng ngày

Đạo Nhựt Thường Hành định hướng một ngày của người tu vào sáu đề mục chính yếu như sau:

– Tam Cương, gồm ba bài: *Khuyến Ái Quốc Gia Kinh* (bài 3); *Khuyến Hiếu Phụ Mẫu Kinh* (4); *Giới Phu Thê Kinh* (15).

– Ngũ Thường, gồm năm bài: *Giới Nhon Kinh* (bài 12); *Giới Nghĩa Kinh* (13); *Giới Lễ Kinh* (14); *Khuyến Trí Kinh* (8); *Giới Tín Kinh* (9).

– Quan hệ thầy trò, quyến thuộc, bạn bè, gồm ba bài: *Khuyến Kinh Sư Phụ Kinh* (bài 5); *Khuyến Kinh Công Cô Kinh* (6); *Khuyến Bằng Hữu Kinh* (7).

– Luyện kỹ, gồm tám bài: *Giới Thân Kinh* (bài 10); *Giới Ý Kinh* (11); *Giới Sân Kinh* (16); *Giới Si Kinh* (17); *Giới Ái Kinh* (18); *Giới Ố Kinh* (19); *Giới Kiên Nhẫn Kinh* (20); *Giới Buồn Rầu Nhân Quả Kinh* (21).

– Sinh hoạt tâm linh, gồm năm bài: *Giới Đức Tin Kinh* (bài 1); *Giới Tâm Kinh* (2); *Giới Tư Tưởng Kinh* (22); *Phát Nguyện*

Tu Hành (25); Kinh Cầu Khi Tham Thiền (26).

– Sinh hoạt đời thường, gồm bốn bài: *Kinh Cầu Khi Đi Ngủ* (bài 23); *Kinh Thức Giác* (24); *Kinh Cầu Khi Ăn Com* (27); *Kinh Cầu Khi Xuất Hành* (28).

6. Các điểm triết giáo hàm chứa trong bộ kinh

Bộ kinh 28 bài mà Đức Lý Giáo Tông ban cho chính là phương tiện tu thân để người môn đệ Cao Đài thời thời khắc khắc thực hành chánh đạo trong cuộc sống đời thường.

Trên đây, khi tìm hiểu chủ đề tư tưởng bộ kinh *Đạo Nhựt Thường Hành* thì phân ra sáu đề mục tu thân lập đức. Nhưng tất cả sáu đề mục ấy gom lại thì gói gọn trong hai phương diện *thiên đạo* và *thế đạo* của pháp môn Cao Đài.

Ngoài bài tản văn mở đầu bộ kinh, 28 bài kinh với 350 câu thơ còn hàm chứa nhiều điểm triết giáo của Cao Đài. Có thể tạm dẫn ra một số điểm như sau:

a. Vũ trụ quan

*Càn khôn chúa tể là Trời,
Linh quang xuống thế vốn người nữ nam. (Bài 1)*

b. Nhân sinh quan

*Làm người phải học tánh Trời,
Phải tin Tạo Hóa, phải dõn đạo tâm. (Bài 1)*

c. Luật luân hồi nhân quả

*Luân hồi quả báo cao thâm,
Có vay có trả cân cầm chẳng ly. (Bài 1)*

*Lỗi làm nhờn quả đến liền,
Họa tai, hoạn nạn, thảm phiền chẳng sai. (Bài 1)*

*Cũng vì nhiều kiếp con gây,
Ngày nay mới chịu nỗi này chớ sao? (Bài 21)*

*Xét ra muôn sự trần ai,
Đều do tiền kiếp trả vay rõ ràng. (Bài 21)*

d. Luật cảm ứng

*Vì chung tâm vốn thiện căn,
Cơ Trời máy Tạo tâm hằng giao thông. (Bài 2)*

*Lưới Trời lồng lộng tuy thưa,
Mà trong trí tưởng Trời thừa hiểu xa. (Bài 8)*

*Tưởng lành, tưởng phải, tưởng nhân,
Cơ Trời máy Tạo mở đàng giao thông. (Bài 22)*

e. Ngũ Giới Cấm (ba giới cấm 1, 2, 5)

*Vạn vật chung ở trong trần,
Sát sanh chẳng dám phạm nhằm vì thương. (Bài 12)*

*Không lòng trộm cướp tham lam,
Lỗi người nguyện xá, lo làm phước duyên. (Bài 13)*

*Làm người chữ tín làm đầu,
Đối đời gạt chúng có đâu đặng bền. (Bài 9)*

f. Tứ Đại Điều Quy

*Lòng thành kính trước như sau,
Dầu khi hoạn nạn, ba đào chẳng xa. (Bài 6)*

Chú: Điều Quy thứ Tư: *Trước mặt sau lưng, cũng đồng một
bực, đừng kính trước rồi khi sau. (Tân Luật, Chương V, Điều
thứ Hai Mươi Hai)*

g. Vô ngã kiễm (xét lỗi mình một cách khách quan)

*Đêm ngồi suy nghĩ việc mình,
Những điều lầm lỗi giữ gìn ngày mai. (Bài 23)*

h. Công bình, bác ái, từ bi

*Từ bi tập tánh chịu lòng,
Xử thế bác ái vật nhơn thương đồng.
Công bình càng nhắc nơi lòng,
Mỗi điều cẩn thận tâm không chẳng mòn. (Bài 2)*

v.v...

Một số điểm triết giáo lược kể trên đây cho thấy tính phong

phụ của bộ kinh Đạo Nhựt Thường Hành. Lời kinh cũng dễ nhớ, và rất gần gũi với cuộc sống hàng ngày của mỗi người tín đồ Cao Đài. Do đó, 28 bài kinh này còn có thể đưa vào bài giảng của các lớp bồi dưỡng giáo lý. Các học viên cũng nên được hướng dẫn để học thuộc và ngày ngày tụng niệm để làm phương tiện kèm thúc tánh phàm, trau giồi và phát huy tâm lành sẵn có. *Đạo Nhựt Thường Hành* như thế cũng là **tâm kinh** mà người tín đồ cần siêng năng trì hành.

Cần lưu ý rằng Đức Lý từ bi, e rằng người đời sơ tâm khinh suất, không lãnh hội đúng và trọn vẹn công năng diệu dụng của bộ kinh này, nên trước khi ban cho 28 bài kinh, Đức Giáo Tông kết thúc bài tản văn mở đầu bộ kinh bằng một câu rất hệ trọng như sau:

“Còn kẻ biết tuân theo lời dạy mà làm theo Đạo Nhựt Thường Hành thì được thần linh bảo giám, hộ mạng hằng ngày, chẳng bao lâu sẽ đặng phát minh mà rõ cơ mầu nhiệm.”



Khi trích riêng ra kinh *Đạo Nhựt Thường Hành* từ bản in 1965, chúng tôi chú ý sửa chữa các lỗi chánh tả, các lỗi in ấn rải rác trong kinh, và khi cần thiết thì nêu rõ ý kiến trong chú thích.

Xuân phân Bính Tuất

Tháng 3 năm 2006

Huệ Khải

(Dũ Lan LÊ ANH DŨNG)

Trích **THÁNH ĐỨC CHƠN KINH**

TIẾP ĐIỂN

THI

Lý chánh tu tâm dưỡng chí thanh,
Giáo khai Đại Đạo chọn nhơn lành.
Tông truyền nhứt bốn kỳ Tam hội,
Giảng dạy tu thân đạo nhựt hành.

Chào chư sĩ.

BÀI

Động Đình⁽¹⁾ nhàn hưởng đào nguyên,⁽²⁾
Sớm vui luyện thuốc,⁽³⁾ chiều yên thị thần.⁽⁴⁾
Những mong tế độ⁽⁵⁾ nơi trần,

(1) **Động Đình:** Hồ Động Đình ở tỉnh Hồ Nam (Trung Quốc). Động Đình Hồ Đại Tiên Trưởng là một tôn hiệu của Đức Lý Thái Bạch.

(2) **Đào nguyên:** Cảnh tiên.

(3) **Luyện thuốc:** Âm dương, ngũ hành... trong cơ thể là các món thuốc (nội dược). Luyện thuốc trường sinh bất tử (thoát luân hồi) tức là dùng thiền (tịnh luyện, nội tu) để khai thác huyền năng diệu dụng của các món thuốc sẵn có trong cơ thể mỗi người.

(4) **Thị thần:** Xem các vị thần. Theo kinh Huỳnh Đình, mỗi bộ phận nhỏ trong cơ thể con người đều có một vị thần ngự trị. Hiểu thoát ý, thị thần là quán sát nội thân, tức cũng là phép thiền.

(5) **Tế độ:** Tế và độ đều có nghĩa đưa người qua sông. Về mặt hữu hình, tế độ là cứu giúp. Về mặt siêu hình, tế độ là cứu vớt,

Nói đường chánh giáo mới gần Ngọc Kinh.⁽⁶⁾
Nghĩ thăm bậy⁽⁷⁾ sanh linh nguon hạ,
Xót xa thay nhơn quả nhập nhôi.⁽⁸⁾
Pho kinh Thánh Đức chưa rồi,
Cầu xin Từ Phụ điểm hồi tâm nhơn.⁽⁹⁾

THI

Tâm nhơn⁽¹⁰⁾ chuyển lại nẻo tâm thành,
Học tập sớm khuya đạo đức hành.
Nương máy huyền vi⁽¹¹⁾ về với Đạo,
Cậy cơ giáo hóa cứu nhơn sanh.
Mới đắc thành,
Đạo dương danh,⁽¹²⁾
Hết cạnh tranh.
Cạnh tranh nhơn quả thêm nhôi,
Đời tàn xáo lộn đời ôi có tương.⁽¹³⁾

cứu rồi linh hồn.

⁽⁶⁾ **Mới gần Ngọc Kinh:** Mới gần Bạch Ngọc Kinh, được châu Thượng Đế.

⁽⁷⁾ **Nghĩ thăm bậy:** Nghĩ mà đau lòng đến mức ấy.

⁽⁸⁾ **Nhập nhôi:** Nhập chung lại một lần và nhôi chung lại thành một khối. Nhơn quả nhập nhôi: Các tội lỗi gây tạo từ nhiều kiếp trước (nhân) đến nay tạo thành nghiệp báo (quả) tích lũy và dồn dập tác động cùng một lượt (nhập nhôi) làm con người đau khổ cùng cực.

⁽⁹⁾ **Hồi tâm nhơn:** Người có lòng quay về nẻo thiện (hồi tâm hướng thiện).

⁽¹⁰⁾ **Tâm nhơn:** Lòng người, lòng phàm.

⁽¹¹⁾ **Huyền vi:** Nhiệm mầu, tinh vi (nên rất khó nhận biết, xét đoán). **Máy huyền vi:** Máy Tạo. Cơ thể con người cũng là bộ máy huyền vi vì con người có thể nhờ phép tu thiền để phát huy các khả năng siêu nhiên tiềm tàng trong xác thể.

⁽¹²⁾ **Dương danh:** Tiếng tăm được lan truyền xa, rộng khắp nơi.

Than thế sự tang thương biến động,
Chưa hết sầu thấy bóng Thái Công,⁽¹⁴⁾
Quy tụ mây vị tiên đồng,⁽¹⁵⁾
Rằng nay có chiếu Thái Công đến mời.

THI

Đến mời Lão xuống chốn Kỳ Sơn,⁽¹⁶⁾
Dạy phép tu hành đặng cứu nhơn.
Mây tỏa trời lân chơn giá hạc,
Xuống cơ gầy nhịp mây dây đờn.

Lão giảng dạy về Đạo Nhựt Thường Hành.

Đạo Nhựt Thường Hành

Chư sĩ khá tịnh tâm.

Ở cõi phàm gian nhiều lý tưởng, nào tôn giáo, văn chương, khoa học, nên con người mải mê say xu hướng theo lối tân tạo của đời. Vì vậy mà tinh thần hao kém, sa đắm nhơn dục mà hủy mình với sắc tài tửu khí,⁽¹⁷⁾ danh lợi thế quyền⁽¹⁸⁾. Rồi ngày giờ qua lại, nhơn dục ép đê Thiên lý cho đến suy đồi, nghiệt quả⁽¹⁹⁾

⁽¹³⁾ **Tường:** Hiểu rõ.

⁽¹⁴⁾ **Thái Công:** Khương Thái Công (Khương Thượng, Tử Nha), Giáo Chủ Thần Đạo.

⁽¹⁵⁾ **Tiên đồng:** Đồng tử theo hầu các vị tiên.

⁽¹⁶⁾ **Kỳ Sơn:** Là Ngũ Phụng Kỳ Sơn, nơi đang lập đàn tả *Thánh Đức Chơn Kinh*.

⁽¹⁷⁾ **Sắc tài tửu khí:** Trụy lạc sắc dục, say mê cờ bạc, be bét rượu chè, hút chích ma túy. Bốn thứ này cũng gọi tứ đồ tường.

⁽¹⁸⁾ **Danh lợi thế quyền:** Danh tiếng, lợi riêng, thế lực, quyền hành.

⁽¹⁹⁾ **Nghiệt quả:** Quả ác, quả báo xấu.

tàn sát lẫn nhau. Cơ tấn hóa của đời tấn bộ chừng nào thì nonh tâm biến thiên chừng nấy.

Đại Đạo Tam Kỳ từ ngày Ngọc Hoàng Thượng Đế giáng cơ đến nay đã mười hai năm⁽²⁰⁾ mà chưa có chơn truyền nên nonh sanh không biết đâu mà tu hành, chỉ lo cúng lạy rồi chán chê đi. Đến nay hết thời kỳ hoàng khai giáo lý, đã đến thời kỳ khai hóa chơn truyền, nên quyển Thánh Đức kỳ này, một chương giải luận về giáo lý tức là thế đạo, còn một chương về tinh thần tức là thiên đạo. Vậy chơn truyền của Đại Đạo ngày nay đã ban xuống thế. Quý báu thay! Hữu căn hữu hạnh thay cho nonh sanh nhuần gội [*ơn phước*]⁽²¹⁾ của Đức Cao Đài!

Từ đây nonh sanh tu hành đã có phương pháp mà hành theo chơn đạo. Nếu chúng sanh mà cượng lý thì bị đọa tam đồ bất năng thoát tục.⁽²²⁾

Vì *từ* khi⁽²³⁾ vào đạo Cao Đài tức là tu theo chơn truyền đạo Cao Đài vậy. Còn kẻ biết tuân theo lời dạy mà làm theo Đạo Nhựt Thường Hành thì được thân linh bảo giám, hộ mạng hằng ngày, chẳng bao lâu sẽ đặng phát minh mà rõ cơ mầu nhiệm.

⁽²⁰⁾ Đạo khai năm Bính Dần (1926). Thánh Đức Chơn Kinh được ban vào năm Mậu Dần (1938).

⁽²¹⁾ Có lẽ bản kinh 1965 in sót chữ. Mạn phép ghi tạm là *ơn phước*.

⁽²²⁾ **Đọa tam đồ**: Bị luân hồi, sinh vào ba đường ác (tam ác đạo) để chịu trừng phạt các tội lỗi. Tam đồ là *hỏa đồ* (hồn ở địa ngục, bị thiêu đốt); *đao đồ* (hồn làm nga quý, chịu cảnh đói khát và đao kiếm hành hạ); *huyết đồ* (hồn làm súc sinh, bị người hay thú khác giết hại để làm miếng ăn).

⁽²³⁾ Bản kinh 1965 in “*Vì trước khi*”.

ĐẠO NHỰT THƯỜNG HÀNH

1. Giới⁽¹⁾ Đức Tin Kinh

Càn khôn Chúa Tể là Trời,
Linh quang xuống thế⁽²⁾ vốn người nữ nam.
Vạn linh Tạo Hóa sẵn làm,
Tùy cơ tiến hóa phi phạm⁽³⁾ lẩn lén.
Quyền năng vô tận vô biên,
Bộ hạ Thầy có Phật Tiên, Thánh Thần.
Thiện ác Ngài nắm đòn cân,
Âm dương luân chuyển phong vân vận hành.⁽⁴⁾
Khí hạo⁽⁵⁾ dưỡng dục quần sanh,
Nhựt nguyệt, tinh tú máy linh giúp đời.
Làm người phải học tánh Trời,
Phải tin Tạo Hóa, phải đòi⁽⁶⁾ đạo tâm.
Luân hồi quả báo cao thâm,
Có vay có trả cân cầm chẳng ly.⁽⁷⁾
Thử xem mấy kẻ vô nghì,⁽⁸⁾
Khi Trời tích ác⁽⁹⁾ làm gì nên thân.
Nên con phải kính Thánh Thần,
Làm lành lánh dữ dưỡng phân hạo nhiên.
Lỗi lầm nhờn quả đến liền,
Họa tai hoạn nạn thăm phiền chẳng sai.
Tích đức hưởng phước lâu dài,
Đức tin con giữ ngày ngày chẳng ly.⁽¹⁰⁾
Cầu xin Thượng Phụ từ bi,
Khai tâm nhờn loại hộ trì⁽¹¹⁾ lòng con.

Nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.

Lý Thái Bạch

Cần đọc thường. Đi đứng, nằm ngồi đọc được.

Chú giải:

- (1) **Giới:** Báo cho biết để giữ mình tránh khỏi lầm lạc.
- (2) **Linh quang xuống thế:** Trời là Đại Linh Quang, người là tiểu linh quang do một điểm linh quang từ Trời ban cho khi từ cõi trời đi xuống cõi trần.
- (3) **Phi phạm:** Khác thường, không phải tầm thường.
- (4) **Phong vân:** Gió mây. **Phong vân vận hành:** Vận chuyển và điều hành thời tiết, khí hậu.
- (5) **Khí hạo:** Khí hạo nhiên (hạo nhiên chi khí); chính khí rất lớn của trời đất. Con người được phú bẩm khí hạo nhiên thì tâm hồn quang minh, chính đại, cương trực.
- (6) **Đồi:** Trau đồi (giỏi), làm cho càng ngày càng tốt đẹp hơn.
- (7) **Chẳng ly:** Không hề sai lệch một mảy may, cực kỳ chính xác.
- (8) **Nghì:** Nghĩa, lẽ phải. **Vô nghị:** Bất nghĩa, không đúng lẽ phải.
- (9) **Khi Trời:** coi thường (luật) Trời. **Tích ác:** Chất chứa điều ác.
- (10) **Chẳng ly:** Chẳng xa rời.
- (11) **Hộ và trì** đều có nghĩa là giúp đỡ, trợ giúp.

2. Giới Tâm Kinh

Chữ tâm sách giải chưa thông,
Nửa ngoài vật dục nửa trong cơ Trời.⁽¹⁾
Làm lành tâm đặng thảnh thơi,
Tạo ác tâm lại bồi hồi ăn năn.
Vì chung tâm vốn thiện căn,⁽²⁾
Cơ Trời máy Tạo tâm hằng giao thông.⁽³⁾
Giới tâm trước phải giới lòng,⁽⁴⁾
Phát minh đạo đức mới hồng biết tu.
Để tâm xao lãng lờ lu,
Thì tâm tạo ác diêm phù⁽⁵⁾ khó ra.
Giới tâm trước phải giới ta,⁽⁶⁾
Đừng cho danh lợi hại mà bỏn tâm.
Dục tình, ái ó, mưu thâm,⁽⁷⁾
Sa mê danh lợi, tham dâm lụy trần.
Sợ Trời Đất, kính Thánh Thần,
Thương người mến vật lòng nhân mới tròn.
Từ bi tập tánh chịu mòn,⁽⁸⁾
Xử thế bác ái vật nhân thương đồng.
Công bình càng nhắc nơi lòng,⁽⁹⁾
Mỗi điều cẩn thận tâm không chảng mòn.
Thầy đã khai hóa⁽¹⁰⁾ tâm con,
Dầu cho biển cạn non mòn dấm phai.⁽¹¹⁾
Rèn tâm tu niệm hôm mai⁽¹²⁾
Cúi xin Thượng Phụ⁽¹³⁾ mở khai tâm thần.

Nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.

Lý Thái Bạch

Chú giải:

- (1) Theo lẽ nhị nguyên thì tâm con người có hai phần đối lập: lúc hướng thiện, lúc hướng theo điều không thiện. Người biết tu thì lo tăng trưởng phần thiện và giảm bớt dần dần phần không thiện để đi đến mức hoàn thiện.
- (2) **Vì chưng:** Bởi lẽ, bởi vì. **Thiện căn:** Gốc lành, gốc sinh ra các điều lành.
- (3) Tâm con người có khả năng giao cảm với cõi siêu hình.
- (4) **Giới lòng:** Giữ gìn tâm lòng trong sạch, không để các ham muốn cám dỗ, sai khiến.
- (5) **Diêm phù:** Cõi âm, địa ngục, nơi giam hãm kẻ tội lỗi.
- (6) **Giới ta:** Giữ gìn hạnh đức chính mình.
- (7) **Ái ó:** Thương và ghét. **Muru thàm:** Bày muru, lập kế ngầm để lén hại người khác.
- (8) **Chịu lòn:** Hạ mình, nhún nhường, nhẫn nhịn.
- (9) Lòng ghi nhớ hoài đức công bình. Nghĩa là điều gì bản thân không muốn thì đừng gây ra cho kẻ khác. (Đức Khổng Tử dạy: *Kỷ sở bất dục vật thi ư nhân.*)
- (10) **Khai hóa:** Mở mang và giáo hóa cho thoát khỏi tình trạng u mê, hèn hạ mà trở nên sáng suốt, cao thượng.
- (11) **Dám phai:** Không dám phai nhạt, quên lãng.
- (12) **Hôm mai:** Buổi tối và buổi sáng. Cả câu ý nói suốt ngày đều rên lòng lo tu.
- (13) **Thượng Phụ:** Cha cõi thượng, Thiên Phụ, Cha Trời, Thượng Đế.

3. Khuyến Ái Quốc Gia Kinh

Càn khôn Chúa Tể là Thầy,
Sửa sang trên mặt đất này quốc vương.
Thuần Nghiêu đòi được an khương,⁽¹⁾
Nhân dân bình trị, cang thường, âu ca.⁽²⁾
Cầu xin nhân trọng đất hòa,⁽³⁾
Không phân nước tóc màu da⁽⁴⁾ tranh giành.
Đối cùng vạn loại chúng sanh,
Con nguyện một dạ trung thành ái tha.⁽⁵⁾
Cầu Thầy bảo hộ quốc gia,
Quan trung, vua đức, dân hòa bốn phương.
Nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.

Thái Bạch Kim Tinh

Chú giải:

- (1) **Thuần Nghiêu đòi:** Đòi thánh đức như thời vua Nghiêu, vua Thuần. **An khương:** An khang; an vui.
- (2) **Cang thường:** Tam cương và ngũ thường.
Tam cương gồm ba mối quan hệ: *quân thần cương* (quan hệ chính phủ và dân); *phụ tử cương* (quan hệ cha mẹ và con cái); *phu thê cương* (quan hệ vợ chồng).
Ngũ thường gồm năm đức có giá trị lâu bền của con người: *nhân, nghĩa, lễ, trí, tín*.
- Âu ca:** Ca hát tán tụng; ám chỉ đòi thanh bình, hạnh phúc.
- (3) **Nhân trọng đất hòa:** Con người được coi trọng, đất nước được hòa bình.
- (4) **Không phân nước tóc màu da:** Không phân biệt, kỳ thị chủng tộc.
- (5) **Ái tha:** Thương yêu người khác (tha nhân).

4. Khuyến Hiếu Phụ Mẫu Kinh

Dưỡng sanh ân nặng đức dày,
Nuôi con khôn lớn sánh tày⁽¹⁾ trời cao.
Khi đi đứng, lúc ra vào,
Tử sanh chẳng dám lợt màu biếng thân.⁽²⁾
Đói no con cũng ân cần,⁽³⁾
Đền ơn cúc dục⁽⁴⁾ trả phần dưỡng nuôi.
Ôn cha đức mẹ nào nguôi,⁽⁵⁾
Tu hành con nguyện làm vui một lòng.
Cầu xin Từ Phụ Thiên Công,⁽⁶⁾
Hộ trì thất tổ cứu huyền siêu thăng.
Nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.

Lý Thái Bạch

Chú giải:

⁽¹⁾ **Sánh tày:** Sánh bằng.

⁽²⁾ **Lợt màu:** Ý nói lòng dạ thay đổi, không còn trọn vẹn nữa.
Biếng thân: lười biếng, không trọn phần sẵn sóc, phụng dưỡng.
Bản kinh 1965 in là *biến thân* (tr. 129).

⁽³⁾ **Ân cần:** Quan tâm lo lắng chu đáo và nhiệt tình.

⁽⁴⁾ **Cúc dục:** Bồng bế, nuôi nấng.

⁽⁵⁾ **Nào nguôi:** Không sút giảm, không bớt, không phai lạt.

⁽⁶⁾ **Từ Phụ:** Cha lành, Cha hiền; tức là Thượng Đế.

Thiên Công: Ông Trời.

5. Khuyến Kinh Sư Phụ Kinh

Cha sanh mẹ dưỡng cao dày,
Ôn thầy⁽¹⁾ dạy dỗ sánh tày bề Đông.
Ngày nay con được lớn khôn,
Cũng nhờ sư phụ mở hồn thương yêu.
Ôn thầy dạy dỗ sớm chiều,
Quyết đem trí hóa⁽²⁾ mà diu dắt con.
Trăm năm biển cạn non mòn,
Mạnh Thường Quân⁽³⁾ nguyện xử tròn nghĩa ân.
Cầu xin Từ Phụ tuần huòn,
Ban cho thầy trẻ, khoẻ thân ngày ngày.

Nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.

Lý Thái Bạch

Chú giải:

⁽¹⁾ Trong bài này, **thầy** hay **sư phụ** là nhà giáo, người dạy dỗ ở trường học; không phải Thầy vô vi (Đức Chí Tôn).

⁽²⁾ **Trí hóa**: Sự khai hóa mở mang tâm trí.

⁽³⁾ **Mạnh Thường Quân**: Quan tướng quốc nước Tề thời Xuân Thu (Trung Quốc, 770-403 trước công nguyên), rất giàu có, nghĩa hiệp, chiêu hiền đãi sĩ khắp trong thiên hạ. Ngày nay, Mạnh Thường Quân là những người hăng tâm hăng sản, sẵn lòng tài trợ các chương trình công ích xã hội.

Câu kinh trong bài ngụ ý khuyên kẻ học trò nhớ ơn thầy, khi thầy hoạn nạn, khốn khó, phải đem lòng hào hiệp ra giúp đỡ thầy cả về tinh thần lẫn vật chất để báo ơn thầy dạy dỗ.

6. Khuyến Kinh Công Cô⁽¹⁾ Kinh

Ông bà, chú bác, cậu dì,
Đồng chung quyền thuộc, cốt bì⁽²⁾ mà ra.
Nên con thờ kính ông bà,
Yêu thương cô bác, thuận hòa tới lui.
Ở đời sót nhọc chia vui,
Nghèo hèn chẳng phụ, ngọt bùi có nhau.
Lòng thành kính trước như sau,⁽³⁾
Dầu khi hoạn nạn ba đào⁽⁴⁾ chẳng xa,
Lớn lên dầu ở riêng nhà,
Khối tình huynh đệ mặn mà lắm thay.
Dầu cho muôn đấng ngàn cay,
Hoạn nạn tương cứu,⁽⁵⁾ khổ này giúp nhau.
Một lòng chẳng dám sai nào,
Cầu xin Thượng Phụ ân cao chứng cùng.

Nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.

Lý Thái Bạch

Chú giải:

- (1) **Công cô:** Theo Paulus Của là cha mẹ chồng (*Đại Nam Quốc Âm Tự Vị*, Tome I, Sài Gòn: 1895); theo Đào Duy Anh là cha mẹ vợ (*Hán-Việt Từ Điển*, Sài Gòn: 1957). Trong bài này nên hiểu thoát ý là nói chung tất cả bà con họ hàng.
- (2) **Quyền thuộc:** Người trong cùng một gia đình. **Cốt bì:** Xương và da; ý nói cùng chung huyết thống.
- (3) Điều Quy thứ Tư: *Trước mặt sau lưng, cũng đồng một bực, đừng kính trước rồi khi sau.* (Tân Luật, Chương V, Điều thứ Hai Mươi Hai)
- (4) **Ba đào:** Ba và đào cùng nghĩa là sóng nước; ám chỉ tình cảnh khốn khổ, nguy hiểm.
- (5) **Tương cứu:** Cứu giúp nhau.

7. Khuyên Bằng Hữu Kinh

Đường đời diệu viễn xa xăm,
Hữu bằng nâng đỡ tình thâm phải tùng.
Thệ lòng hữu thi hữu chung,⁽¹⁾
Hoạn nạn tương cứu, tai phùng bất ly,⁽²⁾
Noi gương theo bạn Bá, Kỳ,⁽³⁾
Gặp ghình thế lộ⁽⁴⁾ đều đi đến bờ,
Ôn tri ngộ quý hồ sơ,⁽⁵⁾
Lỗi lầm hoan hỷ, lỗ cơ tưởng tình.⁽⁶⁾
Dầu cho vào tử ra sinh,
Cầu ơn Thượng Phụ chứng minh hộ trì.

Nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.

Lý Trường Canh

Chú giải:

- (1) Thề với lòng đối với bạn luôn có trước có sau (*hữu thi hữu chung*), không bội bạc.
- (2) **Tai phùng**: Gặp tai nạn. **Bất ly**: Không lìa bỏ nhau.
- (3) **Bá, Kỳ**: Bá Nha (quan lớn) và Tử Kỳ (người kiếm củi). Trong câu kinh này, Bá Nha và Tử Kỳ ám chỉ tình bạn cao quý, chung thủy, không phân biệt sang hèn.
- (4) **Thế lộ**: Đường đời.
- (5) **Tri ngộ**: Biết giá trị của bạn và đối đãi nồng hậu, xứng đáng. **Quý hồ sơ**: Dầu là mới gặp, mới quen (sơ giao). Cả câu kinh này ý nói mang ơn bạn tuy vừa mới quen nhưng đã đối đãi với mình nồng hậu, tôn trọng mình.
- (6) **Lỗi lầm hoan hỷ**: vui vẻ bỏ qua lỗi lầm của bạn. **Lỗ cơ tưởng tình**: khi bạn gặp khó khăn, thiếu thốn hãy nghĩ tình mà giúp đỡ bạn.

8. Khuyến Trí Kinh

Trí trò phân xét mọi điều,
Nghĩ suy việc phải, thương yêu kẻ lành.
Những điều sai quấy chẳng hành,
Muru sâu kế độc công danh phải chừa.⁽¹⁾
Lưới trời lồng lộng tuy thưa,⁽²⁾
Mà trong trí tưởng Trời thừa hiểu xa.
Tưởng lành, tưởng phải, tưởng hòa,⁽³⁾
Nguyện lòng chẳng dám đắm sa dục tình.
Khẩn cầu Từ Phụ hiển linh,
Ban cho con trẻ phát minh đạo mầu.

Nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.

Lý Thái Bạch

Chú giải:

- (1) Phải bỏ đi những muru kế hiểm độc hại người để cầu lợi cho bản thân trên đường công danh.
- (2) Bản kinh 1965 in là *Lưới Trời tuy lồng lộng thưa* (tr. 131).
Lưới Trời lồng lộng tuy thưa do câu *Thiên võng khôi khôi sơ nhi bất lậu*: Lưới Trời lồng lộng, tuy thưa nhưng không để lọt mảy may một việc gì, cho dù nhỏ nhít.
- (3) **Tưởng hòa**: Nghĩ đến những việc hòa hợp, không tranh chấp.

9. Giới Tín Kinh

Làm người chữ tín làm đầu,
Đối đời⁽¹⁾ gạt chúng có đâu đặng bền.
Đem mình quỳ trước điện tiền,
Lòng thành cầu nguyện thế nguyên gấn ghi.⁽²⁾
Hữu bằng chẳng đặng hồ nghi,
Ở cùng vạn loại kính vì⁽³⁾ tín trung.
Xử tròn một lẽ *tín trung*,⁽⁴⁾
Răn lòng bỏ dữ đối cùng⁽⁵⁾ vạn linh.
Nhờ ơn Thượng Phụ cao minh,
Lỗi xưa ân xá nay xin sửa lòng.

Nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.

Lý Thái Bạch

Chú giải:

- ⁽¹⁾ Bản kinh 1965 in là *Đối đời* (tr. 131).
- ⁽²⁾ **Gấn ghi**: Ghi nhớ, gấn bó không quên.
- ⁽³⁾ **Kính vì**: Kính vì; tôn kính và vì nể (nể trọng).
- ⁽⁴⁾ Chúng tôi ngờ rằng bản kinh 1965 in trùng hai chữ *tín trung* (tr. 131). Trộm nghĩ, hai chữ cuối trong câu 6 hoặc câu 7 có lẽ là một từ khác hiệp vận với *trung*, như *thủy chung* chẳng hạn.
- ⁽⁵⁾ **Đối cùng**: Đối với.

10. Giới Thân Kinh

Thân phàm biếng nhác lờ đờ,
Nhiều khi đã dượt chẳng từ ngủ ăn.
Vì thân công đức trở ngại,
Mất điều lễ nghĩa hữu bằng tín trung.
Từ đây con nguyện thủy chung,
Lấy tâm làm chủ chẳng tùng theo thân.
Uống ăn, đi đứng có chừng,
Giữ gìn thể tháo dưỡng thân tu hành.
Xin Thầy ban chút ân lành,
Cho con sửa tánh tập tành học tu.

Nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.

Lý Thái Bạch

11. Giới Ý Kinh

Ý là ác nghiệt⁽¹⁾ mọi điều,
Trong đời vạn sự, ý nhiều tội hơn.
Ý hay ganh ghét giận hờn,
Răn lòng sửa ý, lý chơn mới tường.⁽²⁾
Những điều sâu hiểm ghét thương,
Đều do ý ác tạo đường nghiệt căn.⁽³⁾
Từ đây con nguyện ăn năn,
Nhờ Thầy bố hóa con phăng chánh truyền.⁽⁴⁾
Nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.

Lý Thái Bạch

Chú giải:

- (1) **Ác nghiệt:** Mâm mông tạo ra điều ác.
(2) **Lý chơn mới tường:** Mới hiểu rõ chân lý.
(3) **Nghiệt căn:** Cái gốc tạo ra nghiệp ác.
(4) **Bố hóa:** Ban ơn giáo hóa, dạy cho mở mang tâm trí. **Phăng:** Lăn dò tìm ra đầu mối. **Chánh truyền:** Giáo pháp chân chính do Thầy truyền dạy.

12. Giới Nhơn Kinh

Làm người phải trọng đức nhơn,
Thương yêu vạn loại ra ơn cứu đời.
Thấy ai đói khó đừng cười,
Mở lòng bố thí cho người độ thân.⁽¹⁾
Vạn vật chung ở trong trần,
Sát sanh chẳng dám phạm nhằm vì thương.
Cơ đời tấn hóa lo lường,⁽²⁾
Tùy theo máy Tạo lựa phương thật hành.⁽³⁾
Cầu Thầy độ tận chúng sanh,
Ban ân cho trẻ tập tành lòng nhân.
Nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.

Lý Thái Bạch

Chú giải:

- ⁽¹⁾ **Độ thân:** Nuôi thân.
⁽²⁾ **Lo lường:** Nghĩ suy, liệu lượng tìm cách thực hiện.
⁽³⁾ **Lựa phương thật hành:** Chọn cách thực thực hiện.

13. Giới Nghĩa Kinh

Không lòng trộm cướp tham lam,
Lỗi người nguyện xá⁽¹⁾ lo làm phước duyên.
Viếng thăm thương kẻ tật nguyên,
Hòa cùng thân tộc, xóm giềng, chị em.
Không ganh ghét, chẳng ty hiêm,⁽²⁾
Dẫn lòng chữ nghĩa⁽³⁾ một niềm trước sau.
Khuyên người mê muội ốm đau,
Hằng ngày cầu chúc người mau làm lành.
Lạy Thầy cứu vớt quần sanh,⁽⁴⁾
Con nguyện hôm sớm tu hành nghĩa nhân.

Nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.

Lý Thái Bạch

Chú giải:

- (1) **Xá:** Tha cho, miễn cho.
- (2) **Ty hiêm:** Nghi ngờ nhau cho nên tìm cách lánh xa nhau.
- (3) Bản kinh 1965 in là *chủ* nghĩa (tr.133).
- (4) **Quần sanh:** Quần sinh, chúng sinh.

14. Giới Lễ Kinh

Lễ nghi kính mến một lòng,
Ở đời lánh dữ tâm trong trọn niềm.
Dưới trên giữ trọn tánh khiêm,
Việc chi sai quấy im lìm mắt tai.⁽¹⁾
Loạn dâm,⁽²⁾ kiêu ngạo, ý tài,
Dẫn lòng con chẳng dám sai phạm vào.
Dạy khuyển con cháu trước sau,
Thương người mến vật chẳng xao tác thành.⁽³⁾
Lòng Thầy ó sát, háo sanh,⁽⁴⁾
Con xin thệ nguyện tu hành học gương.

Nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.

Lý Thái Bạch

Chú giải:

- ⁽¹⁾ Là cách giữ cho mắt không nhìn, không xem điều trái lễ, tai không nghe âm thanh trái lễ (những hình ảnh, âm thanh làm lòng tà dục khởi lên, dấy loạn lòng thanh tịnh).
- ⁽²⁾ **Loạn dâm:** Dâm loạn; tà dâm; việc sắc dục bất chính, trái đạo lý (thí dụ quan hệ sắc dục không phải giữa vợ chồng, không biết tiết độ).
- ⁽³⁾ **Xao tác thành:** Lay chuyển, dao động tâm lòng chân thành.
- ⁽⁴⁾ **Ó sát:** Ghét sự giết chóc. **Háo sanh:** Hiếu sinh; quý trọng sự sống.

15. Giới Phu Thê Kinh

Nhân duyên túc đế⁽¹⁾ tạo thành,
Âm dương phối hiệp duyên lành phu thê.
Yêu thương chia sẻ nặng nề,
Trăm năm nối tóc⁽²⁾ chẳng hề phụ nhau.
Dầu cho ngộ cảnh cháo rau,⁽³⁾
Bần hàn vui chịu, sang giàu dám quên.
Sanh con chung dạy, nuôi nên,
Giúp cơ Tạo Hóa vững bền hậu lai.⁽⁴⁾
Sấp mình⁽⁵⁾ kính bái Cao Đài,
Phụ Hoàng ban phước cả hai an bình.⁽⁶⁾

Nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.

Lý Thái Bạch

Chú giải:

- (1) **Túc đế:** Nguồn cội có từ kiếp trước.
- (2) **Nối tóc:** Có lẽ do từ *kết phát* (kết tóc), chỉ việc kết duyên chồng vợ. Truyện Kiều có câu: “*Cùng chàng kết tóc xe tơ những ngày.*” (Nguyễn Du).
- (3) **Ngộ cảnh cháo rau:** Gặp cảnh nghèo.
- (4) **Hậu lai:** Về sau, sau này.
- (5) **Sấp mình:** Mọp người xuống lạy.
- (6) **Phụ Hoàng:** Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế là Cha Trời.

16. Giới Sân Kinh

Giận là tánh nóng hại đời,
Nhà tan nước đổ, tội trời từ xưa.
Răn lòng⁽¹⁾ đệ tử đừng ưa,
Một phen nóng giận khổ thừa ba năm.⁽²⁾
Khi phát giận, phải dẫn tâm,⁽³⁾
Nghĩ suy cho kỹ khỏi lầm lạc thân.⁽⁴⁾
Tu hành con nguyện bỏ sân,⁽⁵⁾
Cầu xin Từ Phụ ban ân độ cùng.⁽⁶⁾

Nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.

Lý Thái Bạch

Chú giải:

- (1) **Răn lòng:** Tự nhắc mình tránh điều sai, bỏ điều quấy.
- (2) Một lần nóng giận có thể gây khổ hơn ba năm.
- (3) **Dẫn tâm:** Dẫn lòng; đè nén cảm xúc, chế ngự tình cảm không để cho bộc lộ, bộc phát ra.
- (4) **Khỏi lầm lạc thân:** Thân khỏi gây tạo ra điều sai lầm.
- (5) **Sân:** Giận. Tham, sân, si là ba thứ độc hại (tam độc) cản trở, phá hoại đời sống an lạc của chúng sinh, làm cho người tu hành mất công đức, lỗi đạo...
- (6) **Cùng:** Từ đặt ở cuối câu thơ, biểu thị ý tha thiết, lòng thành khẩn mong muốn sự cầu xin của mình được cảm thông và đáp ứng. Thí dụ: *Nhiều điều phủ lấy giá gương, / Người trong một nước phải thương nhau cùng.* (Ca dao)

17. Giới Si Kinh

Mê si đọa kẻ khổ hình,
Cũng vì mê muội dục tình phải vương.
Trăm điều suy nghĩ tận tường,
Tin cần nghe bướng,⁽¹⁾ mọi đường phải hư.
Những điều ác đức tâm tư,⁽²⁾
Cũng vì mê muội khắc khư⁽³⁾ cho mình.
Mê quyền, mê lợi, mê danh,
Mê làm chủ sự,⁽⁴⁾ mê tranh cạnh đời.
Đến khi mòn mỏi tất hơi,
Hồn đau đón chịu sanh nơi đao hình,⁽⁵⁾
Vái cùng Thượng Phụ hiển linh,
Ban ân cho trẻ phát minh tu hành.

Nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.

Thái Bạch Kim Tinh

Chú giải:

- (1) **Tin cần nghe bướng:** Tin và nghe theo những điều sai quấy, không biết suy xét để phân biệt thật giả, đúng sai.
- (2) Những điều ác đức nuôi dưỡng trong lòng, lòng hay nghĩ tới.
- (3) **Khắc khư:** Ôm chặt, giữ chặt trong lòng.
- (4) **Làm chủ sự:** Làm người đứng đầu một công việc, một cơ sở.
- (5) **Đao hình:** Chịu hình phạt đao kiếm ở địa ngục. Bản kinh 1965 in là *đạo hình* (tr. 135). Địa ngục có *Tam đồ* là ba đường khổ: (1) *Hỏa đồ:* Đường đưa tội nhân tới ngục lửa; (2) *Huyết đồ:* Đường đưa tội nhân tới ngục máu, ở đó tội nhân xâu xé nhau như thú vật; (3) *Đao đồ:* Đường đưa tội nhân tới ngọn núi trên đó mọi ngọn cỏ hay lá cây đều là lưỡi đao, lưỡi kiếm bén ngọt. (Theo *A Dictionary of Chinese Buddhist Terms*. Taipei: Buddhist Culture Service 1962, p. 62.)

18. Giới Ái Kinh

Ái tình sa đắm hư thân,⁽¹⁾
Thỏa lòng giây phút muôn lần đặng cay.
Lòng thương vật dục⁽²⁾ hàng ngày,
Để thương cha mẹ, thương ngoài vạn linh.⁽³⁾
Ái tha thay đổi ái tình,⁽⁴⁾
Mới là biết đạo, biết mình tu thân.
Lạy Thầy xin bố hồng ân,⁽⁵⁾
Cho con mở trí bước lần chơn ra.⁽⁶⁾

Nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.

Lý Thái Bạch

Chú giải:

- (1) **Sa đắm**: Rơi vào cảnh mê muội, chìm đắm trong ham muốn, không thoát ra được.
- (2) **Vật dục**: Sự ham muốn tầm thường về phần vật chất.
- (3) Trong nhà thì thương yêu cha mẹ [và thân thích], ngoài nhà thì thương yêu vạn linh. (**Vạn linh**: vô số sinh linh, tất cả chúng sinh.)
- (4) Đem lòng bác ái, thương yêu mọi người (**ái tha**) để thay cho lòng thương yêu riêng một người (**ái tình**).
- (5) **Bố hồng ân**: Ban bố ân huệ to tát của Trời.
- (6) Xin giúp cho con sáng suốt tìm đường thoát ra khỏi vòng ái tình trói buộc.

19. Giới Ổ Kinh

Ổ nhọn thẳng kỹ⁽¹⁾ xưa nay,
Gây điều khổ não, vẽ bày cá nhân.⁽²⁾
Ghét người, Trời ghét nào hơn,
Nghiệt căn phải chịu, tuần huòn phải theo.⁽³⁾
Thấy người làm lỗi hiểm nghèo,
Thương người đừng ghét mà gieo họa sầu.
Vì chung⁽⁴⁾ chẳng rõ lý sâu,
Phải người biết lỗi có đâu mà làm.
Dẫn lòng đệ tử tánh phàm,
Bỏ tâm ganh ghét tìm đàng chánh chơn.
Cầu xin Thượng Phụ ban ơn,
Thương con như thể con thương vạn loài.

Nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.

Lý Thái Bạch

Chú giải:

- (1) **Ổ nhọn thẳng kỹ**: Ghét người khác bởi vì họ vượt trội hơn mình.
- (2) **Vẽ bày cá nhân**: Do lợi ích riêng tư của bản thân mà đặt điều có hại cho người khác.
- (3) **Nghiệt căn**: Gốc rễ của tội ác. **Tuần huòn**: Luật nhân quả báo ứng tuần hoàn.
- (4) **Vì chung**: Bởi chung; bởi lẽ, bởi vì.

20. Giới Kiên Nhẫn Kinh

Nhẫn kiên vốn nhịn qua thời,
Làm nên sự nghiệp ở đời lớn lao.
Hàn Tín xưa vốn anh hào,
Lòn tròn giữa chợ ai nào biết đâu.⁽¹⁾
Trương Lương dung dếp dưới cầu,
Thù Hàn trả đặng, nghĩa hầu Hớn xong.⁽²⁾
Kiên nhẫn đặng tử ghi lòng,
Dầu khi hoạn nạn gai chông chớ sờn.
Miễn tròn đạo nghĩa là hơn,
Trăm năm trong cuộc tuàn huờn biết đâu.
Từ đây đã rõ Đạo mâu,
Nhẫn kiên con rấn nguyện cầu giữ tâm.
Xin Thầy quyền phép⁽³⁾ cao thâm,
Bền công tu niệm ôm cầm Thiên cơ.

Nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.

Lý Thái Bạch

Chú giải:

- ⁽¹⁾ **Hàn Tín lòn tròn giữa chợ:** Hàn Tín nước Sở khi chưa gặp thời, phải chịu nhục lòn qua háng kẻ du côn bán thịt giữa chợ đông người để bảo toàn mạng sống. Sau này Hàn Tín làm đại tướng tài giỏi giúp Lưu Bang lập nên vương triều nhà Hán.
- ⁽²⁾ **Trương Lương dung dếp:** Trương Lương thù nhà Tần diệt nước Hàn của ông, bèn theo phò Hán Lưu Bang đánh Tần. Thuở Trương chưa gặp thời, ông tiên Hoàng Thạch Công thử lòng, ba lần làm rót dếp dưới cầu, sai Trương nhặt mà Trương vẫn vui vẻ. Bấy giờ Tiên ông mới truyền binh thư cho Trương Lương.
- ⁽³⁾ Bản kinh 1965 in là *huyền* phép (tr. 137).

21. Giới Buồn Rầu Nhân Quả Kinh

Ở đời nhiều lối buồn rầu,
Hiệp tan, hoạn nạn vì đâu dạt linh.⁽¹⁾
Từ sanh, đời đời, đao binh,
Làm cho trí hóa cảm tình nhớ thương.
Trong vòng luân chuyển âm dương,
Trái oan trước tạo, rẽ đường sao đây?
Cũng vì nhiều kiếp con gây,
Ngày nay mới chịu nỗi này chớ sao.
Nguyện cùng Bắc Đẩu, Nam Tào,⁽²⁾
Vui lòng lãnh chịu một màu trả xong.
Từ đây lòng dạn lấy lòng,
Tạo nhơn tác phước, lánh vòng nghiệt căn.
Cũng vì một lối hai lầm,
Công Tào⁽³⁾ luật pháp cân cầm chẳng sai.
Xét ra muôn sự trần ai,
Đều do tiền kiếp trả vay rõ ràng.
Biết rồi con chẳng buồn than,
Dầu khi tai họa khốn nàn cũng cam.
Dốc lòng làm chủ tánh phạm,
Nợ xưa xin trả, phước đơm⁽⁴⁾ thi hành.
Cầu Thầy độ tận quần sanh,
Cho con trả quả tập tành tánh linh.
Nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.

Lý Thái Bạch

Chú giải:

- ⁽¹⁾ **Dạt** (giạt): Trôi dạt. **Linh**: Âm cổ của *lênh*, *linh* trong từ *lênh đênh*, *linh đinh* (trôi nổi không định hướng).
- ⁽²⁾ **Nam Tào**: Nam Cực Tiên Ông, coi số sinh. **Bắc Đẩu**: Vị tiên coi số tử. Hai vị trông coi sự sống chết của mỗi người ở cõi trần.

⁽³⁾ **Công Tào:** Vị tiên lo phán xét, xử đoán tội phước.

⁽⁴⁾ **Đam:** Đem.

22. Giới Tư Tưởng Kinh

Trên trung giới⁽¹⁾ đủ hình tư tưởng,
Dưới phạm gian⁽²⁾ hay vương kế tà.
Cũng vì tư tưởng xấu xa,
Gây nên tội lỗi khó qua lưới Trời.
Biết đạo đức, đòi đời lý tưởng,⁽³⁾
Trọng tinh thần bổ dưỡng linh quang.
Tưởng lành, tưởng phải, tưởng nhân,⁽⁴⁾
Cơ Trời máy Tạo mở đường giao thông.
Tư tưởng rửa sạch trong bọn tục,
Mới dưỡng tâm diệt dục tầm Tiên.
Nếu con còn tưởng lợi quyền,
Thì con khóặng quy nguyên cùng Thầy.
Trong vạn loại hiệp vầy nhau cả,
Không riêng ai con đã hiểu tường.
Phải kèm tư tưởng một đường,
Tà gian ác quả nó thường đổ con.
Lấy thượng trí⁽⁵⁾ xét còn lý chánh,
Cậy đạo tâmặng lánh quyền tà.⁽⁶⁾
Lọc lừa theo Phật bỏ ma,
Khỏi lắm tư tưởng mới là chơn tu.
Lòng thành kính công phu khấn nguyện,
Xin Phụ Hoàng vận chuyển nguon thần.
Nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.

Trường Canh Thái Bạch

Chú giải:

- (1) **Trung giải:** Cõi trung gian giữa thượng giới và hạ giới.
- (2) **Phàm gian:** Cõi trần. (*Gian*: Không có nghĩa là gian tà, như *không gian* là khoảng không.)
- (3) **Lý tưởng:** Suy nghĩ theo sự lý mà thành cái tư tưởng hư không. . . (Đào Duy Anh, *Hán-Việt Từ Điển*. Sài Gòn: 1957, tr. 501.)
- (4) **Tưởng nhàn:** Không nghĩ tới những việc bận rộn, bon chen thế tục nữa, và hướng lòng về sự tĩnh lặng để tìm sự thanh thản tâm hồn.
- (5) **Thượng trí:** Trí cao khiết.
- (6) **Quyền tà:** Tà quyền, thế lực của ma quỷ.

23. Kinh Cầu Khi Đi Ngủ

Tối ngày mỗi mệt muôn phần,
Tính toán, làm lụng tinh thần loạn ly.⁽¹⁾
Cõi trần khổ não xiết chi,
Dữ nhiều lành ít lắm khi tội tình.
Đêm ngồi suy nghĩ việc mình,
Những điều lầm lỗi giữ gìn ngày mai.
Nghĩa nhân, hiền đức dồi mài,⁽²⁾
Hiếu trung nghĩa vụ dám sai tắc thành.⁽³⁾
May làm đặng những điều lành,
Vui lòng Từ Phụ, phước dành ngày sau.
Rủi thay làm ác hiểm sâu,
Ăn năn tội lỗi khẩn cầu sửa tâm.
Xác phạm yên nghĩ canh thâm,
Hồn lên trung giải học tâm huyền vi.⁽⁴⁾
Cầu xin Thượng Phụ từ bi,
Dạy cho hồn trẻ thông tri đạo mẫu.

Nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.

Lý Trường Canh

Chú giải:

- ⁽¹⁾ **Làm lụng:** Làm công việc. **Tinh thần loạn ly:** Tinh thần rối rắm, lộn xộn, không ổn định.
- ⁽²⁾ **Dồi mài:** Trau dồi (giỏi) cho tốt hơn.
- ⁽³⁾ **Dám sai tắc thành:** Không dám trái với lòng thành, không dám dối lòng.
- ⁽⁴⁾ **Huyền vi:** Lẽ mẫu nhiệm tinh tế của Tạo Hóa.

24. Kinh Thức Giác

Thức là sống cõi trần gian,
Ngủ là sống cõi trần hoàn trung thiên.⁽¹⁾
Một đêm xác tục nghỉ yên,
Rồi đây đến sáng tinh chuyên việc đời.
Dầu cho hoàn cảnh đổi dời,
Con nguyện giữ lấy luật Trời chẳng sai.
Làm lành, giúp khó, trợ tai,⁽²⁾
Thương nhân mền vật, trọn ngày phận tôi.⁽³⁾
Trái oan nguyện trả cho rồi,
Làm lành tích phước vun bồi đức ân.
Cầu xin Thượng Phụ ban ân,
Nghịch căn⁽⁴⁾ lần dứt, nghĩa nhân lo tròn.

Nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.

Lý Thái Bạch

Chú giải:

- (1) Khi ngủ thì hồn xuất lên cõi trung giới, cái xác còn nằm lại ở hạ giới.
- (2) **Giúp khó, trợ tai:** Giúp người nghèo và giúp người gặp tai nạn.
- (3) **Phận tôi:** Phận tôi tớ. Ngụ ý công việc giúp đời dẫu lao khổ hay hèn mọn cũng không sờn, không quản ngại.
- (4) **Nghịch căn:** Cái gốc gây ra những quả xấu.

25. Phát Nguyện Tu Hành

Sấp mình dưới phép Chí Tôn,
Cầu xin Từ Phụ bảo tồn pháp tu.
Từ đây con nguyện công phu,
Trau tâm sửa tánh luyện tu nguơn thần.
Những điều tội lỗi chẳng gần,
Làm lành tích phước, thi ân với đời.
Hầu sau hôn đặng thanh thoi,
Dầu cho nhục nhã chẳng rời lòng nhơn.
Thử lòng khảo đảo chẳng sờn,
Con nguyện giữ dạ keo sơn⁽¹⁾ vững vàng.
Cầu xin Thượng Phụ, Mẫu Hoàng,⁽²⁾
Thánh Thần, Tiên Phật hộ ban phước lành.
Đạo thệ quyết chí tu hành,
Nếu con lỗi thệ⁽³⁾ Thánh Thần phạt răn.
Giữ từ giấc ngủ bữa ăn,
Làm y theo Đạo, nói năng khiêm nhường.
Sửa lòng tập tánh yêu thương,
Cầu Thầy chỉ giáo dẫn đường chúng sanh.

Nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.⁽⁴⁾

Chú giải:

- (1) **Giữ dạ keo sơn:** Giữ lòng gắn bó với Đạo.
- (2) **Mẫu Hoàng:** Đức Diêu Trì Kim Mẫu.
- (3) **Lỗi thệ:** Không giữ trọn lời thề.
- (4) Bản kinh 1965 (tr. 140) không ghi tôn hiệu Đức Lý tiếp sau câu chú.

26. Kinh Cầu Khi Tham Thiên

Tham thiên giao cảm Phật Tiên,
Cầu xin Thượng Phụ chứng miêng⁽¹⁾ tâm thành.
Hào quang chiếu diệu⁽²⁾ điển thanh,
Giúp cho tư tưởng con hành huyền công.⁽³⁾
Tham thiên hồn hiệp hư không,
Hầu khi xuất vía non bông lần lên.
Tìm ra lý chánh luật Thiên,
Không làm tội lỗi tham thiên phát minh.
Ngồi yên cửu khiếu trong mình,⁽⁴⁾
Mở mang thấu đáo thông linh cơ mầu.
Lòng thành tu luyện khẩn cầu,
Ngọc Hoàng Thượng Phụ phép mầu độ con.

Nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.

Lý Thái Bạch

Tham thiên tứ thời Tý, Ngọ, Mẹo, Dậu. Trước khi tham thiên đọc bài này rồi ngồi, đem tư tưởng như vậy một giờ.

Chú giải:

- (1) **Chứng miêng:** Chứng minh.
- (2) **Chiếu diệu:** Chiếu sáng.
- (3) **Hành huyền công:** Thực hành tu thiên.
- (4) **Cửu khiếu trong mình:** Chín huyết ẩn giấu bên trong cơ thể, có liên quan tới việc tu thiên. Không phải là chín lỗ nằm bên ngoài thân người gồm thất khiếu (hai tai, hai mắt, hai mũi, miệng) và hai lỗ bài tiết.

27. Kinh Cầu Khi Ăn Com

Công Thổ Địa dưỡng sanh thảo mộc,
Ôn Thần Nông ngũ cốc chương trồng.⁽¹⁾

Nuôi người thân mạnh, khỏe lòng,
Khi ăn xung tụng đức công Cao Đài.

Nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.

Lý Thái Bạch

Chú giải:

(1) **Thần Nông**: Người làm nghề nông giỏi như thần. Đây là vị vua (hiệu là Viêm Đế) kế nghiệp Phục Hy, có công tìm ra các dược thảo trị bệnh, dạy dân cày cấy, và nhóm chợ để trao đổi sản vật. **Chương trồng**: Chủng trồng. Chủng (chữ Hán) nghĩa là trồng trọt.

28. Kinh Cầu Khi Xuất Hành

Trong vòng luân chuyển trần gian,
Lại qua lui tới dinh hoàn chuyển luân.
Nay con [. . .]⁽¹⁾ dòi chân,
Cầu xin Thượng Phụ, Thánh Thần cảm thương.
Những điều tai nạn khỏi vương,
Thần linh phò hộ bước đường bình an.
Đi về đều đặn vững vàng,
Côn trùng thảo mộc vô can phạm nhảm,
Bạch Thầy con thiết vô tâm,
Cầu xin Thượng Phụ ân thâm độ cùng.
Nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.

Lý Thái Bạch

Chú giải:

⁽¹⁾ Tùy trường hợp cụ thể mà tìm hai chữ điền vào cho đủ. Thí dụ, bắt đầu từ nhà ở quận Phú Nhuận cất bước ra đi, thì có thể đọc là: *Nay con **Phú Nhuận** dòi chân.*

ĐẠO NHỰT THƯỜNG HÀNH

CHUNG

* * * * *